TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 5 – BẮC NINH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/DSST
Ngày 30- 9 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ninh Văn Tr;
2. Ông Dương Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐ-ST ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 "có mặt".
Địa chỉ: TDP M, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Trần Thùy Dung, sinh năm 1986 "vắng mặt".
Anh Lê Thế Tr, sinh năm 1984 "vắng mặt".
Địa chỉ: TDP M, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan:
Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1954 "có mặt".
Đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; Cùng địa chỉ: TDP M, phường C, tỉnh Bắc Ninh "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, diễn biến tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà có mối quan hệ quen biết là hàng xóm của anh Lê Thế Tr và chị Trần Thùy Dung. Vào ngày 21/12/2022 âm lịch bà cho vợ chồng anh Tr, chị Dung vay số tiền 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay có giấy vay nợ, vợ chồng anh Tr, chị Dung có ký vào giấy biên nhận. Mục đích

vay để làm án. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn trả nợ hẹn 30/6/2023 âm lịch. Đến thời hạn thanh t, bà có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Tr và chị Dung không trả nợ. Đến nay bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Tr và chị Dung phải trả tôi số tiền nợ gốc 1.050.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Tòa án tính cho bà lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Số tiền bà cho vợ chồng anh Tr, chị Dung vay bà xác định là tài sản chung của bà và ông Bùi Xuân T, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Tr, chị Dung phải trả tiền cho cả hai vợ chồng bà.

Ông Bùi Xuân T trình bày: Ông thống nhất quan điểm trình bày trên của bà Nguyễn Thị L, ngoài ra không ý kiến gì khác.

Bị đơn anh Lê Thế Tr: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không đến Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành lấy lời khai trực tiếp tại nơi cư trú của anh Tr: Anh Tr trình bày xác nhận vợ chồng anh có vay số tiền 1.050.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng của bà Nguyễn Thị L nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn chưa có tiền trả cho bà L (ngoài ra anh Tr khai gì thêm), sau khi khai xong anh Tr không ký vào biên bản lấy lời khai của Tòa án trước sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố nơi anh Tr cư trú.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2025 tại nơi ở chị Dung và anh Tr địa phương cung cấp thông tin: Địa phương xác định chị Dung, anh Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa chỉ TDP M, phường C, tỉnh Bắc Ninh nhưng hay vắng nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 180, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng chị Dung, anh Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà L, ông T số tiền nợ gốc 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra còn đề xuất lãi chậm thi hành án, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:*** Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Dung, anh Tr phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay. Chị Dung, anh Tr có địa chỉ tại TDP M, phường C, tỉnh Bắc Ninh. Vì

vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về tố tụng:*** Tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng chị Dung, anh Tr vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Dung, anh Tr.

[3] ***Về nội dung vụ án:***

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày và xuất trình chứng cứ cho Tòa án gồm giấy vay nợ của vợ chồng chị Dung, anh Tr đề ngày 21/12/2022, chị Dung, anh Tr vay số tiền 1.050.000.000đ, có chữ ký của hai vợ chồng chị Dung, anh Tr. Lời khai của bị đơn anh Lê Thế Tr cũng thừa nhận có việc vay nợ số tiền trên của bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã niêm yết công khai đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng bị đơn chị Dung không cung cấp lời khai, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ ... Thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đó"*. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy xác định việc vợ chồng bà L cho vợ chồng chị Dung, anh Tr vay tiền là có thật, đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Đến thời hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng chị Dung, anh Tr không trả tiền cho bà L theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của của bà L là phù hợp với quy định pháp luật. Vợ chồng bà L, ông Toàn đều xác định khoản tiền cho chị Dung, anh Tr vay là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc chị Dung, anh Tr nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà L, ông Toàn số tiền 1.050.000.000đ. Bà L, ông Toàn không yêu cầu chị Dung, anh Tr trả tiền lãi nên không đặt ra xem xét.

Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] ***Về án phí:*** Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Dung, anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 180, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc chị Trần Thùy Dung và anh Lê Thế Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Xuân T tiền nợ gốc là 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Chị Trần Thùy Dung, anh Lê Thế Tr phải chịu 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV5 - Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỌI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hà Bắc Nguyễn Xuân Chung

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Bùi Hà Bắc Nguyễn Xuân Chung

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh